

Số: 1828/QĐ-UB

Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 1996

*Quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố số 1828/QĐ-UB
ngày 30 tháng 7 năm 1996 về việc quy định giá lắp đặt máy
điện thoại, fax, telex.*

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ;
- Căn cứ quyết định số 137/HĐBT ngày 27 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý giá;
- Xét ~~đề~~ Tờ trình số 19/TT- GC ngày 15 tháng 7 năm 1996 của Liên Sở Tài chính - Bưu điện về giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I: Quy định giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex cho các đối tượng sử dụng trong địa bàn thành phố (có phụ lục kèm theo).

ĐIỀU II: Bưu điện thành phố Hải Phòng được quy định giá di chuyển địa điểm đặt máy điện thoại, fax, telex trên cơ sở mức giá nói trên.

ĐIỀU III: - Sở Tài chính và Bưu điện thành phố hướng dẫn thi hành quyết định này.

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 1996. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

ĐIỀU IV: Các ông, (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bưu điện thành phố Hải Phòng và các đối tượng lắp đặt thông tin thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT-HĐND TP.
- CT, các PCT/UBND TP.
- Ban Vật giá CP (để b/c).
- Tổng cục Bưu điện.
- Như điều IV.
- Báo HP, Đài PTTH HP.
- CPVP, CV: GT, CN, TH, TC.
- Lưu VP.

T/M. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ĐỖ GIA PHÁCH

PHỤ LỤC

(Giá lắp đặt máy điện thoại, FAX, TELEX ban hành kèm theo
Quyết định số 1828/QĐ/UB ngày 20/7/1996 của UBND thành phố Hải Phòng)



a. Máy điện thoại

Đối tượng và địa điểm	Do ngân sách thanh toán	khối SXKD và tư nhân	LD với n/ngoài VP đại diện n/ng người nước ngoài sử dụng máy
1. các quận nội thành , Đồ sơn	1.800.000	2.200.000	4.000.000
2. các huyện Thủy nguyên Kiến thủy , An Lão , Tiên lãng , Vĩnh bảo An hải	1.800.000	1.800.000	4.000.000
3. huyện Cát hải ,	1.500.000	1.500.000	4.000.000
4. huyện Bạch long vỹ	1.000.000	1.000.000	4.000.000

b. Máy fax , telex :

Đối tượng và địa điểm	Do ngân sách thanh toán	khối SXKD và tư nhân	LD với n/ngoài VP đại diện n/ng người nước ngoài sử dụng máy
1. các quận nội thành , Đồ sơn	2.100.000	2.500.000	4.500.000
2. các huyện Thủy nguyên Kiến thủy , An Lão , Tiên lãng , Vĩnh bảo An hải	2.100.000	2.100.000	4.500.000
3. Huyện Cát hải ,	1.800.000	1.800.000	4.500.000
4. Huyện Bạch long vỹ	1.300.000	1.300.000	4.500.000

*/ Giá lắp đặt máy điện thoại , fax , telex trên chưa có máy . Tùy theo yêu cầu của khách hàng , Bưu điện thành phố Hải phòng có trách nhiệm cung ứng máy và thông báo giá của từng loại máy với nguyên tắc không cao hơn giá thị trường cùng chủng loại trong cùng thời điểm .

- Các loại máy do Bưu điện Hải phòng cung cấp , khách hàng không phải trả kinh phí kiểm định để hoà mạng vào mạng lưới Bưu điện Hải phòng .

- Các loại máy không do Bưu điện Hải phòng cung cấp , khách hàng phải trả kinh phí kiểm định để hoà mạng vào mạng lưới Bưu điện Hải phòng theo giá quy định : Máy điện thoại 20.000 đ/máy ; fax , telex 500.000 đ/máy .

*/ Nếu đã lắp đặt máy điện thoại thì khi lắp đặt thêm fax hoặc telex phải trả thêm chi phí dây dẫn , hướng dẫn sử dụng và công lắp đặt là 300.000 đ/máy

Ủy ban Nhân dân
Thành phố Hải Phòng